

Số: 253/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 07 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quyết định thời gian bố trí vốn đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương đã bố trí vốn quá thời gian theo quy định tại Khoản 2, Điều 52, Luật Đầu tư công năm 2019

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 26 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 198/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 652/BC-KTNS ngày 5 tháng 12 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định thời gian bố trí vốn đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương đã bố trí vốn quá thời gian theo quy định tại Khoản 2, Điều 52, Luật Đầu tư công năm 2019 (có 02 phụ lục chi tiết kèm theo) 

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La Khoá XV, Kỳ họp thứ tám thông qua ngày 7 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTVQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Tư pháp;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Thường vụ tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, Dững.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thái Hưng



QUYẾT ĐỊNH KÉO DÀI THỜI GIAN BỔ TRÍ VỐN ĐỐI CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (CẤP TỈNH)

(Kèm theo Nghị quyết số 253/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Nhóm dự án	Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian bố trí		Lũy kế vốn giao bố trí đến hết năm 2023	Lũy kế khối lượng thực hiện đến hết năm 2023	Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án	Kéo dài thời gian bố trí vốn (đến hết năm)	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Năm bắt đầu bố trí vốn	Lũy kế thời gian bố trí vốn đến hết năm 2023					
	TỔNG SỐ				940.438			761.883	696.465	182.024		
I	Dự án chuyển tiếp				885.574			712.144	642.745	181.904		
1	Dự án cải tạo, nâng cấp cụm khu vũ khí đạn (K4)	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	C	121-30/5/2021	41.000	2021	03 năm	29.201	28.747	11.799	2024	
2	Dự án nhà ở và làm việc cán bộ, chiến sỹ + các công trình phụ trợ cửa khẩu phụ Nà Cài	Bộ Chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh	C	782-27/4/2021	9.200	2021	03 năm	8.410	8.410	790	2024	
3	Di chuyển đường dây 110kV, 35kV mạch kép đoạn Bệnh viện đa khoa Sơn La - TBA 110kV Chiềng Sinh	Sở Công thương	C	2335 - 24/9/2021	59.500	2021	03 năm	39.720	22.551	19.780	2024	
4	Hồ Lãng Luông. Xã Phông Lãng	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	C	1062-31/5/2021	70.842	2021	03 năm	64.962	64.962	5.880	2024	
5	Bổ trí sắp xếp dân cư bản Ta Lát, xã Mường Cai, huyện Sông Mã	UBND huyện Sông Mã	C	1336-18/6/2021	20.900	2021	03 năm	14.430	8.639	770	2024	
6	Đường từ quốc lộ 6 qua tiểu khu vườn đào, thị trấn nông trường Mộc Châu. huyện Mộc Châu đến bản Thông Cuông, xã Vân Hồ huyện Vân Hồ	UBND huyện Mộc Châu	C	1093-31/5/2021	44.950	2021	03 năm	16.504	16.504	28.446	2024	
7	Đường từ Quốc lộ 43 đi khu dân cư và khu dân sản xuất bản Lá Ngà 2, xã Mường Sang, tỉnh Sơn La	UBND huyện Mộc Châu	C	1087-31/5/2021	26.622	2021	03 năm	24.002	14.500	12.122	2024	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Nhóm dự án	Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian bố trí		Lũy kế vốn giao bố trí đến hết năm 2023	Lũy kế khối lượng thực hiện đến hết năm 2023	Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án	Kéo dài thời gian bố trí vốn (đến hết năm)	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Năm bắt đầu bố trí vốn	Lũy kế thời gian bố trí vốn đến hết năm 2023					
8	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tuyến đường quốc lộ 6 (đoạn tránh thành phố Sơn La)	UBND huyện Mai Sơn, UBND thành phố Sơn La	B	77-04/4/2018	240.380	2018	06 năm	223.189	204.527	16.865	2024	
9	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Phát, xã Cà Nàng	UBND huyện Quỳnh Nhai	C	1070-31/5/2021	19.553	2021	03 năm	13.168	13.168	650	2024	
10	Đường giao thông kết nối điểm du lịch Rừng sinh thái Pa Cốp xã Vân Hồ với trung tâm xã Chiềng Xuân, huyện Vân Hồ	UBND huyện Vân Hồ	C	1088 31/5/2021	59.939	2021	03 năm	21.409	3.500	38.530	2024	
11	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Cong, xã Quang Minh	Ban QLDA ĐTXD huyện Vân Hồ	C	1066 31/5/2021	7.184	2021	03 năm	5.911	6.000	1.273	2024	
12	Khu công nghiệp Mai Sơn (giai đoạn I)	Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh	B	2732-08/11/2006; 651-24/3/2017	285.504	2006	16 năm	251.237	251.237	45.000	2025	
13	Bổ sung cơ sở vật chất Trường THPT Tân Lang	UBND huyện Phù Yên	C	1409-30/5/2021	29.095	2021	03 năm	26.862	26.862	2.232	2024	
II Dự án hoàn thành					54.864			49.739	53.720	120		
1	Bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai bản Na Pán, xã Chiềng Đông	UBND huyện Yên Châu	C	367-03/3/2021	14.864	2021	03 năm	10.019	14.000	83	2024	
2	Cấp NSH cho xã Tà Xùa, Phiêng Ban & các vùng lân cận huyện Bắc Yên	UBND huyện Bắc Yên	C	1064-31/5/2021	40.000	2021	03 năm	39.720	39.720	37	2024	



QUYẾT ĐỊNH KÉO DÀI THỜI GIAN BỔ TRÍ VỐN ĐỐI CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (CẤP HUYỆN)

(Kèm theo Nghị quyết số 253/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Nhóm dự án	Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian bổ trí		Lũy kế vốn giao bổ trí đến hết năm 2023	Lũy kế khối lượng thực hiện đến hết năm 2023	Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án	Kéo dài thời gian bổ trí vốn (đến hết năm)	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Năm bắt đầu bổ trí vốn	Lũy kế thời gian bổ trí vốn đến hết năm 2023					
	TỔNG SỐ	31			820.067			499.771	493.165	243.899		
I	Huyện Mai Sơn	3			209.790			110.862	53.447	98.928		
*	Dự án chuyển tiếp				209.790			110.862	53.447	98.928		
1	Trụ sở các cơ quan Chính trị - Hành chính huyện Mai Sơn	UBND huyện Mai Sơn	B	1751-16/08/2018	185.590	2019	05 năm	93.492	40.552	92.098	2025	
2	Khu dân cư tiểu khu 26/3 xã Cò Nòi	Ban Quản lý dự án ĐTXD và TĐC huyện Mai Sơn	C	2117-10/08/2021	12.700	2021	03 năm	9.825	6.859	2.875	2024	
3	Khu TĐC cư dự án Trung tâm chính trị - hành chính huyện và các dự án khác	Ban Quản lý dự án ĐTXD và TĐC huyện Mai Sơn	C	1210-28/08/2021; 1201-8/6/2022	11.500	2021	03 năm	7.544	6.035	3.956	2024	
II	Huyện Yên Châu	4			70.169			61.921	67.932	6.792		
*	Dự án hoàn thành				34.811			29.587	33.769	4.962		
1	Bổ trí ổn định dân cư vùng thiên tai tại bản Na Pán, xã Chiềng Đông	UBND huyện Yên Châu	C	367-03/3/2021	14.864	2021	03 năm	10.019	14.000	4.761	2024	
2	Khu chôn lấp chất thải rắn huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện	C	448-30/5/2018	19.947	2018	6 năm	19.568	19.769	201	2024	
*	Dự án chuyển tiếp				35.358			32.333	34.164	1.830		
3	Đường Quốc lộ 6 đi bản Kho Vàng, xã Viêng Lán, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện	C	572-30/5/2023	8.086	2021	3 năm	5.633	7.188	1.555	2024	
4	Nâng cấp đường QL 6 - Bản Na Pa, xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện	C	726a-30/6/2021	27.272	2020	4 năm	26.700	26.975	275	2024	
III	Huyện Mộc Châu	14			175.014			114.843	91.863	42.306		
*	Dự án chuyển tiếp				175.014			114.843	91.863	42.306		
1	Mường thoát lũ tại vị trí Km79+330/QL43 (Khu Khách sạn Mường Thanh) đến hạ lưu suối Ang (Giao với QL6), thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Mộc Châu	C	2407 31/10/2018	5.000	2019	05 năm	3.586	3.602	1.324	2024	
2	Đường giao thông từ Quốc lộ 6 - Quốc lộ 43, tiểu khu Nhà Nghi, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Mộc Châu	C	2207 23/10/2018	50.134	2019	05 năm	42.048	30.969	711	2024	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Nhóm dự án	Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian bố trí		Lũy kế vốn giao bố trí đến hết năm 2023	Lũy kế khối lượng thực hiện đến hết năm 2023	Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án	Kéo dài thời gian bố trí vốn (đến hết năm)	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Năm bắt đầu bố trí vốn	Lũy kế thời gian bố trí vốn đến hết năm 2023					
3	Đường giao thông bản Áng 3, xã Đông Sang, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Mộc Châu	C	2054 16/08/2021	11.100	2019	05 năm	10.095	10.242	178	2024	
4	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Mộc Ly, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Ban QLDA ĐTXD huyện Mộc Châu	C	2349 28/8/2020	13.026	2019	05 năm	10.257	9.339	965	2024	
5	Khởi thông dòng chảy Suối Mon thuộc bản Áng, xã Đông Sang, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Mộc Châu	C	971 20/4/2020	16.790	2020	04 năm	10.497	9.503	1.772	2024	
6	Đường khu dân cư trung tâm hành chính mới (giai đoạn 2), thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Mộc Châu	C	2477 29/10/2019	14.731	2020	04 năm	12.500	8.061	1.346	2024	
7	Nạo vét, khởi thông dòng chảy hạ lưu công Km76+905,28, thị trấn Nông Trường Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Mộc Châu	C	2592 31/10/2019	2.918	2020	04 năm	-	-	2.752	2024	
8	Hạ tầng sắp xếp Khu dân cư tiểu khu Nhà Nghỉ - Tiểu khu 32, thị trấn Nông Trường Mộc Châu; Hạng mục: Đường giao thông, điện chiếu sáng (Khu đất Hợp tác xã Thương Bình Thảo Nguyên)	Ban QLDA ĐTXD huyện Mộc Châu	C	2501 30/10/2019	943	2020	04 năm	490		397	2024	
9	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở HĐND - UBND huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Mộc Châu	C	100/NQ-HDND 27/2/2023	7.900	2020	04 năm	3.300	2.107	4.500	2024	
10	Mương thoát nước khu đất ao Bệnh viện Đa Khoa Thảo Nguyên, tiểu khu 40, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Mộc Châu	C	1292 30/6/2020 (ĐC)	2.645	2020	04 năm	1.703	1.203	786	2024	
11	Hạ tầng sắp xếp Khu dân cư tiểu khu Nhà Nghỉ, thị trấn Nông Trường Mộc Châu; Hạng mục: Hạ tầng + Vườn hoa công viên	Ban QLDA ĐTXD huyện Mộc Châu	C	1554 18/7/2019	14.901	2021	03 năm	839	839	14.000	2025	
12	Chỉnh trang đô thị; Hạng mục: Hệ thống đường, kè suối Ang, tiểu khu Nhà Nghỉ, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Mộc Châu	C	859 26/04/2021	13.740	2021	03 năm	5.170	5.068	7.334	2024	
13	Đường giao thông khu dân cư trung tâm hành chính mới (giai đoạn 3)	Ban QLDA ĐTXD huyện Mộc Châu	C	372 09/02/2021	6.493	2021	03 năm	5.450	4.955	679	2024	
14	Hạ tầng khu đầu già tiểu khu 3-2, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Mộc Châu	C	2397 14/09/2021	14.693	2021	03 năm	9.400	5.977	5.563	2024	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Nhóm dự án	Quyết định phê duyệt dự án		Thời gian bố trí		Lũy kế vốn giao bố trí đến hết năm 2023	Lũy kế khối lượng thực hiện đến hết năm 2023	Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án	Kéo dài thời gian bố trí vốn (đến hết năm)	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Năm bắt đầu bố trí vốn	Lũy kế thời gian bố trí vốn đến hết năm 2023					
IV	Huyện Sông Mã	4			207.420			77.399	137.947	81.155		
*	Dự án hoàn thành				60.000			15.033	57.567	9.100		
1	Cầu cứng qua Sông Mã tại tổ dân phố 5, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	C	1094-31/5/2021	60.000	2021	03 năm	40.000	53.433	7.000	2024	
*	Dự án đang thi công				147.420			62.365	80.380	72.055		
1	Bố trí sắp xếp dân cư bản Ta Lát, xã Mường Cai, huyện Sông Mã	UBND huyện Sông Mã	C	1336-18/6/2021	20.900	2021	03 năm	2.000	8.638	5.900	2024	
2	Kè bờ hữu Sông Mã (đoạn từ Cầu cứng đến hạ lưu 1.700m)	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	C	3716-30/10/2017	98.900	2017	03 năm	52.223	62.676	46.677	2025	
3	Sân vận động huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	C	1168-19/4/2019	27.620	2021	03 năm	8.142	9.065	19.478	2025	
V	Huyện Sốp Cộp	2			47.242			32.008	42.721	10.713		
*	Dự án hoàn thành				47.242			32.008	42.721	10.713		
1	Dự án Đường giao thông Huổi Phúc đi Sam Quảng xã Mường Lèo	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	C	1384-31/10/2019	7.241	2020	04 năm	6.491	7.066	575	2024	
2	Dự án ĐTXD CSHT điểm sắp xếp dân cư TTHC huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	C	1074-04/9/2019	40.002	2019	05 năm	25.517	35.655	10.138	2024	
VI	Thành phố	4			110.432			102.739	99.254	4.004		
*	Dự án hoàn thành				110.432			102.739	99.254	4.004		
1	Khu dân cư mới đường Chu Văn An, thành phố Sơn La	Ban QLDA ĐTXD thành phố	C	2981-31/10/2016 1483-15/7/2021	9.357	2017	06 năm	8.824	8.824	120	2024	
2	Khu dân cư ngà tư Quyết Thắng - Bán Buôn phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La (giai đoạn I)	Ban QLDA ĐTXD thành phố	C	2637-09/9/2015 428-03/3/2017	31.078	2015	09 năm	30.355	30.237	518	2024	
3	Khu dân cư ngà tư Quyết Thắng - Bán Buôn phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La (giai đoạn II)	Ban QLDA ĐTXD thành phố	C	2763-31/10/2017	25.000	2018	05 năm	20.855	19.519	1.336	2024	
4	Hạ tầng khu dân cư lô số 6b, thành phố Sơn La	Ban QLDA ĐTXD thành phố	C	628-03/4/2017	44.996	2017	06 năm	42.705	40.674	2.030	2024	